

Bài văn mẫu phân tích những bài ca dao hài hước Ngữ Văn lớp 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Dàn ý phân tích những bài ca dao hài hước lớp 10 chi tiết nhất

Mở bài

Giới thiệu về ca dao: Là thể loại trữ tình dân gian kết hợp giữa lời và nhạc diễn tả đời sống nội tâm của con người.

Giới thiệu về chùm ca dao hài hước: Tập trung những nét đặc sắc của nghệ thuật trào lộng dân gian Việt Nam nhằm tạo ra tiếng cười, phê phán những thói hư, tật xấu.

Thân bài

1. Tiếng cười tự trào, vui tươi hóm hỉnh (bài 1)

* Lời dẫn cưới của chàng trai:

Sử dụng biện pháp liệt kê, chàng trai đưa ra một loạt vật dẫn cưới: voi, trâu bò, chuột béo.

Lời nói khoa trương, cường điệu, phóng đại: Chàng trai định dẫn cưới bằng những lễ vật rất có giá trị.

→ Chàng trai đang tưởng tượng về một lễ cưới linh đình, sang trọng. Đó là ước mơ của những chàng trai thôn quê về một ngày vu quy sung túc.

Cách nói giảm dần từ voi – trâu – bò và cuối cùng dừng lại ở con chuột béo: Tái hiện lại hành trình từ tưởng tượng đến trở về với hiện thực của chàng trai.

Thủ pháp tương phản đối lập được sử dụng tài tình, khéo léo để nói về hiện thực: Dẫn voi – quốc cấm, dẫn trâu – máu hàn, dẫn bò – co gân.

→ Lời giải thích hợp tình hợp lý, chính đáng vì lí do chấp hành pháp luật, lo cho sức khỏe họ hàng hai bên chứ không phải vì chàng trai không có.

→ Cách nói thể hiện sự hài hước, dí dỏm, đáng yêu, thông minh của chàng trai.

Chi tiết hài hước: “Miễn là có thú bốn chân/dẫn con chuột béo mời dân mời làng”:

- + Thú bốn chân gợi ra hình ảnh những con vật to lớn, có giá trị.
- + Con chuột béo: Loài vật nhỏ bé, có hại và bị người nông dân ghét bỏ.
- + Sự bất thường của chi tiết: Xưa nay chưa từng thấy ai mang chuột đi hỏi vợ và cũng không thể có một con chuột nào to lớn để có thể mời dân mời làng.

→ Chi tiết hài hước vừa đem lại tiếng cười sảng khoái, vừa thể hiện sự vui tươi, hóm hỉnh của chàng trai, một tâm hồn lạc quan, phóng khoáng, yêu đời.

* Lời thách cưới của cô gái

- Thái độ của cô gái:

Trước lời dẫn cưới của chàng trai cô gái “lấy làm sang” → Đây là cô gái dí dỏm, vui tươi không kém bạn đời.

Lời nói “Nỡ nào em lại phá ngang” → Ý nhị, khiêm tốn, thông cảm với hoàn cảnh của chàng trai.

Thủ pháp tương phản đối lập: người ta – nhà em, lợn gà – nhà khoai lang → Sự độc đáo, bất thường trong lời thách cưới bởi những lễ vật ấy bình dị đến mức tầm thường. Chính điều này đã tạo nên tiếng cười đùa vui, hóm hỉnh.

- Lời giải thích của cô gái về yêu cầu của mình:

Cách nói giảm dần: To – nhỏ - mê – rím – hà → Cô gái sẵn sàng đón nhận những lễ vật tầm thường, không cần lựa chọn, sắp xếp gì.

Lễ vật được cô chia phần, sắp xếp hợp lí: Mời làng, mời họ, con trẻ, lợn gà → Cô gái là người phụ nữ đảm đang, tháo vát, khéo léo, sống có trước có sau, coi trọng tình nghĩa.

→ Thông qua lời thách cưới và dẫn cưới bất bình thường của chàng trai và cô gái đã cho thấy tâm hồn lạc quan, yêu đời, hài hước của những chàng trai, cô gái thôn quê trong cảnh nghèo khó. Chàng trai tự ý thức được cái nghèo của mình mà tự trào, tự cười cợt, cô gái thấu hiểu cảnh ngộ của hai gia đình mà vui vẻ đón nhận vì cô là người coi trọng tình nghĩa hơn của cái.

2. Tiếng cười phê phán, mỉa mai, châm biếm

a. Bài 2

- Câu ca dao mở đầu bằng chí “làm trai”

Làm trai: Phải mạnh mẽ, cứng cỏi, khỏe khoắn, quyết đoán, là trụ cột của gia đình và xã hội.

Liên hệ với chí làm trai trong văn dân gian và văn học trung đại: “Làm trai cho đáng lên trai/Xuống đông đông tĩnh lên đòi đòi yên” (Ca dao) hoặc “Vũ trụ nội mạc phi phận sự” (Cao Bá Quát).

- Thủ pháp tương phản đối lập:

“Khom lưng chống gối”: Gọi động tác mạnh mẽ, dứt khoát của một người làm công việc nặng nhọc, vất vả.

“Gánh”: Hoạt động di chuyển những vật nặng.

Hai hạt vừng”: Thứ vô cùng nhỏ bé nhỏ bé.

→ Tiếng cười được cất lên. Tư thế khoa trương nhưng hành động tầm thường. Chế giễu người đàn ông yếu đuối, tầm thường không đáng làm trai. Tiếng cười không chỉ đả kích mà còn là lời nhắc nhở sâu cay về thói hư, tật xấu của con người.

b. Bài 3

- Cặp từ đối xứng chồng em – chồng người: Chứa đựng ngụ ý so sánh hơn thua.

Chồng người - Đi ngược về xuôi, tung hoành ngang dọc, thỏa chí tang bồng, tháo vát tài giỏi → Thể hiện sự ngưỡng mộ, trân trọng.

Chồng em – quanh quẩn nơi xó bếp sờ đuôi con mèo, lười nhác, đoản chí, không đáng mặt trang nam nhi → Thể hiện sự thất vọng, buồn bã.

→ Qua sự đối lập, tương phản, bài ca dao đã nói lên lời tâm sự, niềm thất vọng, xấu hổ của cô vợ có anh chồng lười nhác, hèn kém; đồng thời phê phán, chế giễu loại đàn ông lười nhác, thấp hèn, không có ý chí. Đó cũng là bài học cho những kẻ làm trai, làm chồng về lối sống và phẩm chất.

c. Bài 4

- Hình ảnh người vợ:

Quan niệm về người phụ nữ xưa: Dịu dàng, khéo léo, đảm đang, tháo vát, biết chăm sóc cho bản thân, cho chồng con. Nhưng người vợ trong bài ca dao lại được

khắc họa vô cùng đặc biệt với ngoại hình: lỗ mũi mười tám gánh lông → Hình ảnh phóng đại bất ngờ tạo ra tiếng cười sảng khoái. Bài ca dao sử dụng cách chơi chữ “gánh lông” để miêu tả về một chiếc mũi kinh dị, kì quái.

Những tật xấu: Đêm nằm gáy o o, đi chợ hay ăn quà, bần thiu (trên đầu những rác cùng rơm) → Phép liệt kê tăng tiến những thói xấu của cô vợ không chỉ ở nhà mà còn ra ngoài cả xã hội, phóng đại làm nổi bật những tật xấu, sự vô ý tứ không thể chấp nhận ở một người phụ nữ.

→ Chế giễu người phụ nữ xấu người xấu cả nét, vô duyên đỏng đảnh.

- Hình ảnh người chồng:

Trân trọng chiếc mũi kinh dị của vợ, xem đó là của hiem “râu rồng trời cho”. Trước những tật xấu của vợ, anh chồng còn bao biện mà không góp ý: “gáy cho vui nhà”, “về nhà đỡ cơm”, “hoa thơm rắc đầu” → Người chồng yêu thương, nâng đỡ, che chở cho vợ một cách mù quáng, bao biện cho vợ bằng những lí lẽ nguy hiểm, phi lí.

→ Bài ca dao không chỉ đem lại tiếng cười đầy sảng khoái mà còn mỉa mai, chế giễu những thói hư, tật xấu của con người.

→ Khuyên người phụ nữ phải biết giữ gìn vẻ đẹp của mình, không nên sống buông thả, lôi thôi, luộm thuộm. Như vậy, vừa làm hạ thấp mình, vừa không tôn trọng người xung quanh.

→ Cảnh tỉnh những anh chồng yêu vợ một cách mù quáng, không có chính kiến, không biết góp ý chân thành để người mình yêu thương trở nên tốt hơn.

Kết bài

Khái quát lại đặc điểm chung của ca dao hài hước.

Trình bày ấn tượng của mình về ca dao hài hước: ngắn gọn, súc tích, đem lại tiếng cười trực tiếp vừa ròn rã vừa sâu cay để châm biếm, nhắc nhở, thức tỉnh chứ không phải dãn cách, ghét bỏ.

Các bài văn mẫu lớp 10 phân tích những bài ca dao hài hước hay nhất

Top 3 bài làm văn mẫu phân tích những bài ca dao hài hước ý nghĩa, sâu sắc nhất làm tài liệu tham khảo cho các em học sinh chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra sắp tới tại đây:

Phân tích những bài ca dao hài hước Văn 10 mẫu 1

Ca dao hài hước, châm biếm là một bộ phận không thể không thể thiếu của kho tàng ca dao Việt Nam. Những bài ca dao hài hước là tiếng cười mua vui, giải trí thỏa mãn về nhu cầu giải trí tinh thần của người lao động xưa. Bài ca dao còn thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của nhân dân lao động, họ là những người lạc quan, yêu đời.

Bài ca dao thứ nhất là tiếng cười tự trào, mang ý vị hài hước, vui vẻ của người lao động trong cảnh nghèo. Lời đối đáp giữa chàng trai và cô gái trong việc thách cưới vô cùng lạ lùng, thú vị. Bài ca dao có lối kết cấu đối đáp, lượt lời đầu tiên là của chàng trai, bằng lối nói khoa trương, phóng đại, anh chàng đã nói về những lễ vật của mình. Nhưng cách nói lại sử dụng biện pháp đối lập: tự nêu ra nhưng chính anh chàng lại tự phủ định: Cưới chàng anh toan dẫn voi/ Anh sợ quốc cấm, nên voi không bàn/ Dẫn trâu, sợ họ máu hàn/ Dẫn bò sợ nhà nàng co gân./ Miễn là có thú bốn chân./ Dẫn con chuột béo mời dân, mời làng. Lí lẽ anh chàng đưa ra vô cùng hài hước: Dẫn voi thì sợ quốc cấm; Dẫn trâu thì sợ họ máu hàn; Dẫn bò thì sợ họ co gân. Và cuối cùng kết luận dùng con chuột béo mời dân mời làng, hi vọng con chuột béo ấy sẽ đủ để mời dân mời làng. Đáp lại lời chàng trai cô gái cũng hết sức ý nhị, di dỏm, cô thách cưới một nhà khoai lang. Số khoai lang được phân phát theo trình tự hết sức hợp lí: cho dân, cho làng, cho trẻ con và cho cả những con vật trong nhà. Những lời đối đáp ấy đã cho thấy sự chu đáo, biết lo toan, đồng thời cũng rất hồn nhiên, yêu đời của cô gái. Bài ca dao thể hiện niềm lạc quan, yêu đời, ham sống của người lao động trong cuộc sống còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Đồng thời thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của những chàng trai, cô gái xưa: Chàng trai mang trong mình sự hài hước, lạc quan, vui vẻ, tình cảm chân thành, còn cô gái là sự bằng lòng, vui vẻ, đảm đang, tháo vát, tình cảm và sự chu đáo dành cho làng xóm, họ hàng xung quanh.

Bài ca dao số hai, số ba đều tập trung phê phán những người đàn ông yếu đuối, ươn hèn, vô tích sự. Câu thơ mở đầu bằng mô típ quen thuộc làm trai, nhưng có những điểm khác biệt: Làm trai cho đáng sức trai/ Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng. Câu thơ đầu cho thấy chí làm trai oai hùng đầy kiêu hãnh, như đang gánh vác việc to lớn, việc giang sơn xã tắc. Nhưng câu thơ thứ hai đã cho thấy rõ công việc anh ta gánh vác gánh hai hạt vừng. Bài ca dao sử dụng biện pháp khoa trương, câu thơ đầu nâng cao rồi đột ngột hạ thấp, để phê phán chàng trai yếu đuối về thể xác, hèn yếu về tinh thần. Quả thật đáng lên án, phê phán.

Bài ca dao sau:

Chồng người đi ngược về xuôi,
Chồng em ngồi bết sờ đuôi con mèo.

Bài ca dao trên đã sử dụng thủ pháp đối lập giữa chồng người và chồng em, đồng thời gợi lên sự đối lập về không gian: đi ngược về xuôi còn chồng em không gian hoạt động chỉ ở nơi xó bếp, không gian bếp núc vốn của phụ nữ. Để hoàn chỉnh bức tranh về anh chồng nhu nhược, yếu đuối là hành động sờ đuôi con mèo. Qua đó tiếng cười bật lên, hướng vào những ông chồng vô tích sự, lười nhác.

Bài ca dao cuối cùng phê phán những người đàn bà lười biếng, cầu thả, vô duyên. Trong truyện cười dân gian, các tác giả dân gian thường lấy đối tượng là nam để châm biếm, phê phán như tham lam, khoác lác, lười biếng nhưng người con gái lại rất ít khi trở thành đối tượng để châm biếm, đả kích. Ca dao đã hoàn thiện sự khuyết thiếu đó. Hình ảnh người phụ nữ ầu đoảng, lười biếng hiện lên vô cùng rõ nét: Lỗ mũi mười tám gánh lông/ Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho/.../ Trên đầu những rác cùng rơm/ Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu. Bài ca dao chế giễu những người đàn bà đỏng đảnh, vô duyên: Hình dáng thô kệch, xấu xí, có nhiều thói quen xấu: Luộm thuộm, bần thiêu. Tiếng cười cất lên phê phán những người đàn bà đoảng vị đồng thời cũng phê phán những người chồng mù quáng, vì quá yêu vợ mà không phân biệt tốt – xấu, thực – hư.

Ba bài ca dao, tiếng cười ở đây tập trung phê phán cái xấu, cái chưa hoàn thiện trong nội bộ nhân dân. Tiếng cười có ý nghĩa giải trí, đồng thời cũng là cuộc đấu tranh của nhân dân với cái xấu, cái lạc hậu, bảo thủ trong xã hội.

Ca dao hài hước châm biếm thành công đều nhờ việc xây dựng tình huống gây cười, hàm chứa những mâu thuẫn gây cười. Biện pháp khoa trương, phóng đại được sử dụng thành công ở cả bốn bài ca dao. Ngoài ra biện pháp nâng cao ở phía trước hạ thấp ở phía sau cũng phát huy tác dụng để phê phán những cái xấu, cái tiêu cực trong xã hội.

Bài ca dao là lời châm biếm hài hước, nhẹ nhàng những thói hư, tật xấu trong xã hội. Đồng thời bài thơ thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người dân lao động xưa: sự lạc quan, yêu đời của họ trong cảnh đời còn nhiều khó khăn, vất vả.

Văn mẫu lớp 10 phân tích những bài ca dao hài hước mẫu 2

Ca dao là một thể loại trữ tình dân gian góp phần không nhỏ vào việc làm nên sự phong phú đa dạng của nền văn học Việt Nam. Ca dao hài hước với những nét đặc sắc của nghệ thuật trào lộng dân gian đã tạo ra nhiều tiếng cười cho con người, trong đó không thể không nhắc đến bài ca dao hài hước số một trong chương trình Ngữ văn lớp 10.

Mở đầu bài ca dao là lời dẫn cưới của chàng trai:

- Cưới nàng, anh toan dẫn voi
 Anh sợ quốc cấm, nên voi không bàn.
 Dẫn trâu, sợ họ máu hàn
 Dẫn bò, sợ họ nhà nàng co gân.
 Miễn là có thú bốn chân
 Dẫn con chuột béo, mời dân, mời làng.

Chàng trai sử dụng biện pháp liệt kê đưa ra một loạt vật dẫn cưới: voi, trâu bò, chuột béo bằng lời nói khoa trương, cường điệu, phóng đại. Chàng trai đang tưởng tượng về một lễ cưới linh đình, sang trọng với những lễ vật có giá trị. Đó cũng là ước mơ của những chàng trai thôn quê về một ngày vu quy sung túc. Tuy nhiên, những lễ vật giá trị ấy được nói giảm dần từ voi – trâu – bò và cuối cùng dừng lại ở con chuột béo; điều này tái hiện lại hành trình từ tưởng tượng đến trở về với hiện thực của chàng trai. Con người luôn muốn mơ ước, hướng đến những điều to lớn, tốt đẹp nhưng cũng luôn thức tỉnh với thực tại khó khăn, hoàn cảnh thiếu thốn của mình.

Để an ủi chính mình, chàng trai sử dụng thủ pháp tương phản đối lập được sử dụng tài tình, khéo léo để nói về hiện thực: Dẫn voi – quốc cấm, dẫn trâu – máu hàn, dẫn bò – co gân. Lời giải thích vô cùng hợp tình hợp lý, chính đáng vì lí do chấp hành pháp luật, lo cho sức khỏe họ hàng hai bên chứ không phải vì chàng trai không có. Cách nói thể hiện sự hài hước, dí dỏm, đáng yêu, thông minh của chàng trai, bên cạnh đó, điều này cũng chính mình rằng đây là một anh chàng vô cùng lạc quan. Chi tiết hài hước: “Miễn là có thú bốn chân/Dẫn con chuột béo mời dân mời làng” thể hiện sự đối lập hài hước: thú bốn chân gọi ra hình ảnh những con vật to lớn, có giá trị. Con chuột béo là loài vật nhỏ bé, có hại và bị người nông dân ghét bỏ. Xưa nay chưa từng thấy ai mang chuột đi hỏi vợ và cũng không thể có một con chuột nào to lớn để có thể mời dân mời làng; chi tiết hài hước này vừa đem lại tiếng cười sảng khoái, vừa thể hiện sự vui tươi, hóm hỉnh của chàng trai, một tâm hồn lạc quan, phóng khoáng, yêu đời.

Trước sự hóm hỉnh, dí dỏm của chàng trai, cô gái cũng có những lời đối đáp hài hước.

- Chàng dẫn thê, em lấy làm sang,
 Nữ nào em lại phá ngang như là...
 Người ta thách lợn thách gà,
 Nhà em thách cưới một nhà khoai lang:
 Củ to thì để mời làng,
 Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi.
 Bao nhiêu củ mẹ, chàng ơi!

Đề cho con trẻ ăn chơi giữ nhà;
 Bao nhiêu củ rím, củ hà,
 Đề cho con lợn, con gà nó ăn...

Trước lời dẫn cưới của chàng trai cô gái “lấy làm sang” vừa thể hiện sự tôn trọng với người con trai vừa cho thấy đây là cô gái dí dỏm, vui tươi không kém bạn đời. Lời nói “Nữ nào em lại phá ngang” thể hiện ý nhị, khiêm tốn, thông cảm với hoàn cảnh của chàng trai. Cô gái này không chỉ vui vẻ mà còn vô cùng hiểu chuyện. Thủ pháp tương phản đối lập: người ta – nhà em, lợn gà – nhà khoai lang cho thấy sự độc đáo, bất thường trong lời thách cưới bởi những lễ vật ấy bình dị đến mức tầm thường. Trước lễ vật tầm thường ấy, cô gái đã có lời gả thích về yêu cầu của mình qua cách nói giảm dần: To – nhỏ - mê – rím – hà cho ta thấy rằng cô gái sẵn sàng đón nhận những lễ vật tầm thường nhất mà không cần lựa chọn, sắp xếp gì. Lễ vật được cô chia phần, sắp xếp hợp lí: Mời làng, mời họ, con trẻ, lợn gà thể hiện cô là người phụ nữ đảm đang, tháo vát, khéo léo, sống có trước có sau, coi trọng tình nghĩa.

Thông qua lời thách cưới và dẫn cưới bất bình thường của chàng trai và cô gái đã cho thấy tâm hồn lạc quan, yêu đời, hài hước của những chàng trai, cô gái thôn quê trong cảnh nghèo khó. Chàng trai tự ý thức được cái nghèo của mình mà tự trào, tự cười cợt, cô gái thấu hiểu cảnh ngộ của hai gia đình mà vui vẻ đón nhận vì cô là người coi trọng tình nghĩa hơn của cải.

Bài ca dao không chỉ giúp người đọc có thêm tiếng cười sảng khoái, thư giãn mà nó còn giúp chúng ta hiểu hơn về những con người tình nghĩa bấy giờ, dù hoàn cảnh có thế nào đi nữa ở họ vẫn toát lên sự lạc quan đáng ngưỡng mộ và học tập. Nhiều năm tháng qua đi nhưng bài ca dao vẫn giữ được giá trị của nó và để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng nhiều thế hệ bạn đọc.

Phân tích những bài ca dao hài hước Văn 10 hay nhất mẫu 3

Ca dao là một sản phẩm của tác giả dân gian nhằm truyền đạt những tâm tư tình cảm của nhân dân lao động. Nội dung phản ánh của ca dao rất đa dạng từ tình cảm gia đình, quê hương, làng xóm đến tình cảm cá nhân, lứa đôi. Trong ca dao, còn có một loại phản ánh chính là ca dao hài hước. Đó chính là dùng tiếng cười trong những bài ca dao để châm biếm, phê phán và qua đó thể hiện tâm hồn lạc quan yêu đời và triết lí nhân sinh của nhân dân lao động.

Trước tiên, đó là bài ca dao cười về việc thách cưới trong xã hội xưa. Tác giả dân gian đã lấy hình thức đối đáp nam nữ để đem tiếng cười cho nhiều người, giúp họ vượt lên cảnh sống nghèo khó với niềm vui. Trong xã hội xưa, người đàn ông muốn lấy vợ thường phải đem lễ vật đến rước. Nhà gái sẽ thách cưới có thể là tiền

cười và lễ vật. Đây cũng thể hiện công ơn sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ và giá trị của người con gái đó. Nhưng nhiều khi, thách cưới cũng trở thành một hủ tục khi nhiều nhà thách cưới quá cao. Nhân dân sáng tác bài ca dao này với lời chàng trai lên tiếng trước. Tiếng cười bật lên từ nghệ thuật đối lập từ dự định ban đầu đến thực tế. Anh chàng mang theo lễ vật quý hiếm bằng con vật bốn chân: Chàng "dẫn voi" đây là cách nói khoa trương để gây cười. Nhưng sau đó lại giảm dần lễ vật từ con voi xuống trâu, rồi xuống bò, cuối cùng chỉ là con chuột béo:

" - Cưới nàng, anh toan dẫn voi

Anh sợ quốc cấm, nên voi không bàn.

Dẫn trâu, sợ họ máu hàn,

Dẫn bò, sợ họ hàng co gân.

Miền là có thú bốn chân,

Dẫn con chuột béo, mời dân, mời làng.

Cuối cùng chỉ là con chuột béo, thú nhỏ nhất mà lại được chàng nói phóng đại lên là khao được cả làng. Từ đó, tạo ra sự đối lập để gây tiếng cười. Tiếng cười sáng khoái này thể hiện tâm hồn lạc quan của người dân.

Đáp lại lời chàng trai chính là lời cô gái cũng tỏ ra sự hài hước:

" - Chàng dẫn thế, em lấy làm sang,

Nỡ nào em lại phá ngang như lá..."

Cô gái bắt đầu thách cưới và tác giả dân gian cũng sử dụng nghệ thuật đối lập. Đối lập với " Người ta thách lợn thách gà" đó là thách " một nhà khoai lang". Khoai lang chính là sản vật mà người nông dân có thể trồng được. Cô gái đã thách cả nhà khoai lang nhưng với sự giảm dần về chất lượng:

"Củ to thì để mời làng,

Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi.

Củ to thì để mời làng, mời các vị có chức sắc, lớn tuổi trong làng để thể hiện sự tôn trọng và trọn tình nghĩa làng xóm. Còn đến họ hàng thì sao " Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi". Họ hàng thì dù gì cũng có tình cảm máu mủ, nên họ dễ dàng cảm thông, lượng thứ. Trẻ con cũng được ăn những củ mẻ. Còn củ rím, củ hà thì cho

con lợn, con ăn. Chỉ với tám dòng ca dao khiến cho chúng ta hình dung được không khí gia đình dù cho có nghèo đói đơn sơ nhưng lại rất cảm động, giàu tình cảm.

Trong ca dao hài hước còn xuất hiện tiếng cười chế giễu những kẻ " làm trai" mà yếu đuối, hèn nhát không đáng mặt chí nam nhi.

"Làm trai cho đáng sức trai,

Khom lưng chống gối, gánh hai hạt vừng"

Câu ca dao đầu tiên như một lời khẳng định đầy trịnh trọng về chí làm trai. Làm trai nam nhi trong thiên hạ, sức dài vai rộng, mạnh mẽ phải có đáng sức trai. Tiếng cười chỉ bật lên với câu thứ hai với sự đối lập với sức trai chính là "Khom lưng, chống gối, gánh hai hạt vừng". Hình ảnh thể hiện sự yếu đuối, đốn hèn của nam nhi. Sức trai khỏe mạnh vậy mà lại phải "Khom lưng, chống gối" tưởng để gánh gì lớn lao, nhưng chỉ là gánh một thứ được cân bằng cân tiêu li "hai hạt vừng". Từ thế ấy khiến chàng trai hiện lên thật thảm hại, một cách phê phán đáng cười!

Tiếng cười trong ca dao còn chế giễu những người chồng lười biếng, không có ý chí.

"Chồng người đi ngược về xuôi

Chồng em ngồi bếp sờ đuôi con mèo"

Trong gia đình, người chồng luôn giữ vai trò trụ cột để làm chỗ dựa cho vợ, con, cha mẹ. Vậy nên, làm người đàn ông chắc chắn cần có sự nghiệp, trước đây còn có cả chí làm quan. Trong bài ca dao trên, thì nói đến hình ảnh người đàn ông lười biếng cũng được tác giả dân gian sử dụng phép đối lập. Đối lập so sánh giữa "chồng người" - "Chồng em". Chồng người thì đi ngược về xuôi để học hỏi, mở rộng tầm hiểu biết, có chí lớn, làm việc lớn. Còn chồng em thì ngồi bếp - một không gian hạn hẹp chỉ để làm sờ đuôi con mèo. Ý chỉ những ông chồng vô tích sự, không làm nên công trạng gì. Một cách cười hài hước, mỉa mai những kẻ lười biếng, không chịu lao động mở mang hiểu biết.

Có thể thấy, các bài ca dao hài hước không chỉ đem tiếng cười vui mà cả tiếng cười phê phán. Tác giả dân gian thường sử dụng phép đối, phóng đại,... để thể hiện nội dung của bài. Những bài ca dao đó cũng chứng tỏ trí tuệ thông minh cũng sự lạc quan của người lao động trong cuộc sống.